

Vấn đề đặt ra trong quá trình tái cơ cấu các tập đoàn kinh tế Nhà nước ở Việt Nam

TS. NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) nói chung và các tập đoàn kinh tế Nhà nước nói riêng là thành phần kinh tế chủ đạo của Nhà nước. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hiệu quả kinh doanh của DNNN, trong đó có các tập đoàn kinh tế Nhà nước ngày càng kém hơn so với các khu vực khác. Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp để tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự thân vận động, thay đổi và DNNN không phải là một ngoại lệ.

Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước là một trong ba nội dung quan trọng của tái cơ cấu kinh tế nhằm phát huy sức mạnh của khu vực này, từ đó tạo tác động lan tỏa, nâng cao hiệu quả của toàn nền kinh tế.

1. Thực trạng hoạt động của các tập đoàn kinh tế Nhà nước ở Việt Nam

Ở Việt Nam, đến năm 2010, Chính phủ đã thành lập 12 tập đoàn kinh tế Nhà nước trên cơ sở tổ chức lại các Tổng Công ty Nhà nước (các Tổng công ty 90 và 91) và Tổ hợp các doanh nghiệp độc lập có cùng lĩnh vực hoạt động, bao gồm 2 tập đoàn là Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam (VNIC), Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD). Tuy nhiên, sau thời gian hoạt động, hai Tập đoàn HUD và VNIC không đạt được mục tiêu đề ra

là hình thành các tập đoàn xây dựng lớn, trở thành tổng thầu, chỉ phối lĩnh vực bất động sản, nên Chính phủ đã quyết định chấm dứt sự tồn tại của 2 tập đoàn này và quay về mô hình tổng công ty như trước đây (Quyết định 1428/QĐ-TTg ngày 2/10/2012).

Hiệu quả hoạt động của tập đoàn

Bảng 1. Số lượng các tập đoàn kinh tế Nhà nước qua các năm

Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Số lượng tập đoàn KTNN	7	8	11	12	12	10*

*Nguồn: Bộ Tài chính
(*Trong 10 tập đoàn có 01 tập đoàn là Tập đoàn Bảo Việt Nhà nước không năm giữ 100% vốn)*

Bảng 2. Hiệu quả hoạt động của tập đoàn và tổng công ty Nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2012
Doanh thu của tập đoàn và tổng công ty	866.622	1.164.469	1.488.273	1.600.000
Lợi nhuận sau thuế của tập đoàn và tổng công ty	69.311	97.622	162.910	<127.500
Lợi nhuận sau thuế của tập đoàn	44.153 (chiếm 63,7% LN của tập đoàn và tổng công ty)	NA	NA	
Tỷ suất lợi nhuận/vốn (%) (Tập đoàn và tổng công ty)	17,4%	6,2%	NA	16%

Nguồn: Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

nhìn chung còn thấp. Trong năm 2012, trên tổng số 73 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, có khoảng 46,5% doanh nghiệp đạt mức tỉ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu dưới 10%; nhóm các tập đoàn, tổng công ty có tỷ suất lợi nhuận cao trên 20% chiếm 23%; các tập đoàn, tổng công ty có tổng số lỗ phát sinh khoảng 2.253 tỷ đồng, trong đó có một số tập đoàn, tổng công ty lỗ liên tục 2 năm 2011 và 2012. Ngoại trừ các đơn vị lỗ do chính sách giá và điều chỉnh chênh lệch tỷ giá, thì vẫn còn một số tập đoàn, tổng công ty thua lỗ trong sản xuất kinh doanh. Các đơn vị trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp.

Trước thực tế đó, nhu cầu

Bảng 3. Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu của một số tập đoàn qua các năm (%)

Năm	2008	2009	2010
Tập đoàn Dệt may	10,4	16,5	19,6
Vinashin	0,19	(20)	NA
EVN	2,4	4,7	(>16,6)
Vinacomin	30,31	17,4	26,4
VNPT	13,6	7,4	5,7
Bảo Việt	6,4	9,5	11,4
Viettel	55,9	40,7	43
VNIC	9,2	20,3	8,9

tái cấu trúc DNNN nói riêng và tập đoàn kinh tế Nhà nước nói chung trở nên cấp thiết. Đề án tái cấu trúc DNNN đã được Chính phủ ban hành và các bộ ngành liên quan đang triển khai thực hiện Đề án. Chính phủ đã quyết định chuyển 2 tập đoàn trong lĩnh vực xây dựng thành mô hình tổng công ty như trước đây và kiên quyết tái cấu trúc mạnh mẽ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và quyết định cổ phần hóa Tập đoàn Dệt may Việt Nam (hoàn thành trước 2015).

2. Những vấn đề đặt ra trong quá trình tái cấu trúc tập đoàn, tổng công ty Nhà nước

Tái cơ cấu DNNN nói chung và tập đoàn, tổng công ty nói riêng là một quá trình lâu dài, không thể nóng vội. Trong quá trình tái cấu trúc tập đoàn kinh tế Nhà nước, cần lưu ý một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần xây dựng phương án và lộ trình tái cơ cấu, kiên

quyết sắp xếp các tập đoàn, tổng công ty thua lỗ kéo dài, điển hình là Vinashin.

Để quá trình tái cơ cấu DNNN thành công, trước hết phải xây dựng được phương án và lộ trình tái cơ cấu nhằm đảm bảo đi đúng định hướng và đảm bảo cân đối nguồn lực. Trước hết phải tiến hành sắp xếp DNNN theo các nhóm, trên cơ sở các nhóm đó thực hiện phương án tái cơ cấu phù hợp. Chẳng hạn, nhóm các DNNN hoạt động trong lĩnh vực như quốc phòng, an ninh, cơ sở hạ tầng then chốt, Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn và chú trọng đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và giữ vai trò chi phối. Các nhóm DNNN hoạt động trong các ngành, lĩnh vực sản xuất, cung cấp các sản phẩm dịch vụ công ích, các doanh nghiệp bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, Nhà nước chỉ cần nắm giữ cổ phần chi phối tuyệt đối (trên 75% vốn điều lệ) nhằm đảm bảo sức mạnh điều tiết và khai thác sự đóng góp của xã hội. Hai nhóm ngành này cần tái cơ cấu

Bảng 4. Giá trị đầu tư ngoài ngành của các tập đoàn

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	2006	2007	2008	2009	2010
Giá trị đầu tư chứng khoán	707	1.328	1.697	986	3.576
Đầu tư vào lĩnh vực bảo hiểm	758	2.655	3.007	1.578	2.236
Đầu tư vào lĩnh vực bất động sản	211	1.431	2.285	2.999	5.379
Đầu tư vào quỹ đầu tư	600	1.050	1.424	694	495
Đầu tư vào ngân hàng	3.838	7.977	11.427	8.734	10.128
Tổng đầu tư chứng khoán, bất động sản, bảo hiểm, quỹ đầu tư, ngân hàng của tập đoàn và tổng công ty Nhà nước	6.114	14.441	19.840	14.991	21.814

Nguồn: Báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội

mạnh mẽ và cần chú trọng đến công tác quản trị. Đối với các DNNN hoạt động kinh doanh thuần túy thì Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần. Nhiệm vụ trước mắt là phải rà soát lại các DNNN nói chung và tập đoàn, tổng công ty Nhà nước nói riêng để có phương án tái cấu trúc phù hợp.

Trên cơ sở định hướng đó đến năm 2015, danh sách tập đoàn kinh tế do Nhà nước nắm giữ 100% vốn nhiều khả năng sẽ bao gồm 7 tập đoàn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Bưu chính-Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) và Tập đoàn Cao su Việt Nam (VRG).

Bản thân các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước cũng phải xây dựng đề án tái cấu trúc trình cấp thẩm

quyền phê duyệt. Các đề án cần đánh giá hết các tồn tại trong quản lý điều hành, quản lý tài chính cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xác định rõ ngành nghề kinh doanh chính, xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án tài chính để xử lý các tồn tại về tài chính trong quá trình tái cơ cấu.

Thứ hai, tái cơ cấu tập đoàn, tổng công ty Nhà nước một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân

lực, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, nổi bật là tái cơ cấu tài chính. Mục tiêu của tái cấu trúc tài chính DNNN nói chung và các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước nói riêng là nhằm lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo cơ cấu tài chính hợp lý cho sự phát triển lành mạnh và bền vững của DNNN, trong đó tập trung vào tái cơ cấu đầu tư và tái cơ cấu nợ.

Tái cơ cấu đầu tư

Thực tế cho thấy, giá trị các khoản đầu tư vào chứng

Bảng 5. Tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư, ngân hàng của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tỷ lệ % đầu tư vào chứng khoán so với các chỉ tiêu					
Vốn Chủ sở hữu	0,22	0,32	0,35	0,18	0,55
Tổng tài sản	0,09	0,13	0,14	0,07	0,20
Tỷ lệ % đầu tư vào lĩnh vực bảo hiểm so với các chỉ tiêu					
Vốn Chủ sở hữu	0,24	0,65	0,62	0,28	0,34
Tổng tài sản	0,10	0,26	0,25	0,11	0,12
Tỷ lệ % đầu tư vào lĩnh vực bất động sản so với các chỉ tiêu					
Vốn Chủ sở hữu	0,07	0,35	0,47	0,54	0,83
Tổng tài sản	0,03	0,14	0,19	0,21	0,30
Tỷ lệ % đầu tư vào Quỹ đầu tư so với các chỉ tiêu					
Vốn Chủ sở hữu	0,19	0,26	0,29	0,13	0,08
Tổng tài sản	0,08	0,10	0,12	0,05	0,03
Tỷ lệ % đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng so với các chỉ tiêu					
Vốn Chủ sở hữu	1,21	1,94	2,36	1,57	1,56
Tổng tài sản	0,51	0,79	0,95	0,60	0,57

Nguồn: Báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Bảng 6. Một số chỉ tiêu về vốn và tài sản của các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước[1]

Chỉ tiêu	ĐVT	2006	2010	9/2011
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	317.647	653.166	NA
Tổng tài sản	Tỷ đồng	751.698	1.799.317	NA
Nợ phải trả	Tỷ đồng	419.991	1.088.290	218.738
Tỉ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	%	132,22	166,62	NA
Tỉ lệ nợ phải trả trên Tổng tài sản	%	5,87	60,48	NA

Nguồn: Nguồn cafe.vn

{1} Vinashin đang trong quá trình tái cơ cấu nên tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh không được thống kê trong bảng

khoán, bảo hiểm, bất động sản, ngân hàng của các tập đoàn và tổng công ty khá lớn.

Nếu so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu, tỷ lệ đầu tư của tập đoàn và tổng công ty vào các lĩnh vực trên khá cao, điển hình là đầu tư vào bất động sản, năm 2010 chiếm tỷ lệ là 0,83% so với nguồn vốn chủ sở hữu.

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước dừng và rút vốn đầu tư vào các lĩnh vực nêu trên (Điều 12 Quy chế quản lý tài chính của công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 5/02/2009 của Chính phủ; Công văn số 3780/VPCP-ĐMDN ngày 5/02/2008 và Công văn số 6207/VPCP-KTTH ngày 01/9/2010 của Văn phòng Chính phủ). Trường hợp đặc biệt có nhu cầu đầu tư vượt quy định phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ

xem xét, quyết định.

Tỷ lệ đầu tư vốn vào các lĩnh vực ngoài ngành kinh doanh chính nói trên của các tập đoàn, tổng công ty nhìn chung đều trong các giới hạn quy định. Tuy nhiên, việc đầu tư này cũng đã làm phân tán nguồn lực, nhất là vào các lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, bất động sản, chứng khoán vẫn chứa đựng nhiều rủi ro.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều tập đoàn, tổng công ty đã cơ cấu lại để giảm dần tỷ lệ vốn góp vào các lĩnh vực nêu trên. Theo đó, các tập đoàn, tổng công ty sẽ thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư ngoài ngành để tập trung vốn đầu tư vào những ngành nghề kinh doanh chính (để đạt mục tiêu đến 31/12/15 các tập

đoàn phải thoái hết vốn đầu tư ngoài ngành). Tuy nhiên, trong bối cảnh TTCK âm ảm, việc thoái vốn với những khoản đầu tư lớn là rất khó khăn. Bên cạnh đó, hiện có nhiều cổ phiếu trong danh mục của các tập đoàn có giá thị trường dưới giá trị sổ sách. Trong khi đó, nguyên tắc số một mà Bộ Tài chính đưa ra đối với việc thoái vốn là tối thiểu phải bảo toàn được đồng vốn đầu tư. Với bối cảnh kinh tế vĩ mô và các thị trường chứng khoán, bất động sản còn nhiều khó khăn, thì rất khó để DNNN bảo toàn được vốn khi thoái vốn. Nếu vì thoái vốn lỗ thì lãnh đạo các DNNN phải chịu trách nhiệm, do vậy không một lãnh đạo DNNN nào dám đưa ra quyết định thoái vốn. Thiết nghĩ, Bộ Tài chính cần xem

Bảng 7. Tổng dư nợ của một số tập đoàn lớn tại Việt Nam (tính đến tháng 9/2011)

	Số nợ (tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	
		So với tổng dư nợ của 12 TĐ	So với tổng dư nợ của DNNN
Petro Vietnam	72.300	33,05%	17,41%
EVN	62.800	28,71%	15,12%
TKV	20.500	9,37%	4,94%
Vinashin	19.600	8,96%	4,72%
Tổng dư nợ của 12 tập đoàn kinh tế lớn	218.738	100%	52,66%
Dư nợ cho vay DNNN	415.378	-	100%

Nguồn: Bộ Tài chính

xét phương án thoái vốn và duyệt phương án, còn các tập đoàn sẽ thực hiện thoái vốn theo phương án đã được duyệt trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch. Có như vậy, các tập đoàn mới chủ động được phương án thoái vốn và đôi khi còn đảm bảo khả năng bứt lỏ hơn so với việc giữ lại chứng khoán.

Về tái cơ cấu nợ

Tính đến tháng 9/2011, dư nợ vay ngân hàng của DNNN lớn là 415.347 tỷ đồng tương đương 16,9% tổng dư nợ, trong đó, hơn một nửa số nợ tập trung vào 12 tập đoàn kinh tế Nhà nước (218.738 tỷ), chiếm 8,76% tổng dư nợ toàn ngành ngân hàng.

Tính đến tháng 12/2012, tổng nợ phải trả của các tập đoàn, tổng công ty lên tới hơn 1,3 triệu tỷ đồng, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu bình quân là 1,82 lần (năm 2011 là 1,77 lần), tổng tài sản/tổng nợ phải trả là 1,6 lần. Nhìn tổng thể, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, xét riêng rẽ, tại một số tập đoàn, tổng công ty, tỷ lệ này vượt giới hạn cho phép, cá biệt có nơi rất

Bảng 8. Tổng dư nợ của một số Tập đoàn lớn tại Việt Nam (tính đến tháng 12/2012)

Đơn vị: Tỷ VND

Tập đoàn	Số nợ
Petro Vietnam và các công ty con	53.419
EVN	50.660
TKV và công ty thành viên	30.383
Vinashin và công ty thành viên	7.136

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

cao. Các tập đoàn như Petro Vietnam và các công ty con, EVN có dư nợ tại các NHTM khá lớn (Bảng 8)

Thực tiễn cho thấy, gần 60% giá trị tài sản của các tập đoàn được hình thành từ vốn vay. Cụ thể, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 79,4%, Tập đoàn Công nghiệp xây dựng tới 79,7%. Điều đáng nói là tỷ lệ nợ xấu của các tập đoàn kinh tế Nhà nước tính đến 9/2012 là 8.394 tỷ đồng chiếm 4,31 tổng nợ xấu (Bảng 9). Vì vậy, tái cấu trúc tài chính nói chung và tái cơ cấu nợ của các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước nói riêng là hết sức cần thiết.

Tái cấu trúc nợ nhằm xây dựng được cơ cấu vốn mới, hài hòa giữa vốn chủ sở hữu và nợ phải trả, mang lại sức mạnh cho doanh nghiệp. Tái cấu trúc nợ sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp. Vì vậy, để thực

hiện tái cấu trúc nợ thành công, các tập đoàn, tổng công ty cần xem xét cấu trúc nguồn vốn và xác định mức độ nợ của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch xử lý nợ của doanh nghiệp (thông qua tìm đối tác đầu tư, chuyển đổi hình

thức hoạt động hoặc huy động tăng vốn chủ sở hữu, cổ phần hóa và chuyển nợ thành vốn cổ phần, chuyển nợ thành trái phiếu...).

Thứ ba, quá trình tái cấu trúc cần phải có sự tham tích cực của các tổ chức tư vấn tài chính, tổ chức tài chính tín dụng, các cơ quan chức năng, đặc biệt là Công ty TNHH một thành viên mua bán nợ Việt Nam (DATC) để xử lý các khoản nợ của tập đoàn, tổng công ty cũng như các chính sách định hướng và sự hỗ trợ từ Nhà nước như sử dụng các công cụ về tín dụng, công cụ thuế, hải quan nhằm góp phần giảm bớt những khó khăn cho tiến trình cấu trúc.

Thứ tư, đối với công ty mẹ-Tập đoàn, phải xây dựng và hoàn chỉnh phương thức quản trị phù hợp theo mô hình công ty mẹ- công ty con, trên cơ sở

xem tiếp trang 19

Bảng 9. Tỷ lệ nợ xấu của một số tập đoàn lớn tại Việt Nam (tính đến tháng 12/2012)

	Tổng nợ xấu (tỷ VND)	Tỷ trọng (%)		
		So với tổng nợ xấu của 12 TĐ	So với tổng nợ xấu của DNNN	So với tổng nợ xấu
EVN	347	4,1%	1,5%	0,17%
Vinashin và công ty thành viên	7.136	85,01%	30,97%	3,66%
Tập đoàn KTNN	8.394	100%	36,4%	4,31%
DNNN	23.037	-	100%	11,82%

Nguồn: Bộ Tài chính

trường nhập khẩu, thông qua đó đẩy mạnh XK giảm nhập siêu ở các thị trường hiện có mức nhập siêu lớn nhằm giảm nhập siêu của cả nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến và quảng bá thương hiệu tại các nước mà hàng Việt Nam đã thâm nhập được vào để củng cố vị trí sản phẩm, củng cố thương hiệu, từ đó phát triển bền vững sang các thị trường khác. Các cơ quan xúc tiến thương mại cần hoạt động hiệu quả hơn, trợ giúp các doanh nghiệp một cách thiết thực hơn bằng cách gửi thông tin miễn phí hàng tuần, hàng tháng về các nghiên cứu, đặc thù của từng thị trường, các thông tin về hội trợ triển lãm,... đến các doanh nghiệp qua email (hầu hết các doanh nghiệp XK đều sử dụng email) hoặc có những hình thức hỗ trợ thật sự hiệu quả khác; tránh việc các nghiên cứu về thị trường rất chi tiết của các cơ quan xúc tiến thương mại lại không đến được đúng đối tượng cần sử dụng.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt, dự báo thị trường trong và ngoài nước, thường xuyên cập nhật, phổ biến kịp thời, rộng rãi các thông tin về thị trường thế giới cho các doanh nghiệp, nhất là những thị trường và mặt hàng XK trọng điểm. **■**

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Thương mại (2006), *Xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Hà Nội.
2. Bộ Công Thương (2011), *Báo cáo tóm tắt tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại*

tháng 12 và 12 tháng năm 2011, Hà Nội.

3. Bộ Công Thương (2012), *Báo cáo tóm tắt tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại tháng 12 và 12 tháng năm 2012, Hà Nội.*

4. Nguyễn Sinh Cúc (2013), "Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2012, Tạp chí Con số Sự kiện, số 1+2/2013, Tr: 21-24.

5. Thanh Hải (2013), "Xuất khẩu đầu ấn của một năm đầy giông bão", *Tạp chí Thương mại, số 1+2/2013, Tr: 5-7.*

6. Vũ Thị Hoa (2013), "Xuất nhập khẩu: Duy trì điểm sáng, giữ đà tăng trưởng", *Tạp chí tài chính, Số 02(5800 2013, Tr:33-35.*

7. Nguyễn Thị Nhiễm (2008), "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam", *Tạp chí Cộng sản, 791 (9-2008), tr:52-57.*

8. Đinh Văn Thành (Chủ biên), *Nghiên cứu chất lượng tăng trưởng xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam trong thời kỳ CNH, HDH, Đề tài NCKH cấp Bộ, MS: 2007-78-012, Hà Nội -2008.*

9. Lê Xuân Tiru (2008), "Bão tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu Việt Nam", *Tạp chí Thương mại, 40/2008, tr:2.*

10. Hải Vũ (2008), "Tác động của khủng hoảng tài chính tới xuất khẩu của Việt Nam", *Tạp chí Ngoại thương, 30/2008, tr: 8-9.*

tiếp theo trang 12

đó tái cơ cấu tập đoàn, đồng thời tiến hành việc sắp xếp, đổi mới đối với đơn vị thành viên bằng cách rà soát, tính toán hiệu quả đầu tư trước đây. Xây dựng và ban hành hệ thống các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý, quản trị đối với doanh nghiệp và người đại diện của tập đoàn tại các doanh nghiệp trong thực thi trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ

tại các đơn vị. Đi liền với đó, quá trình kiểm tra, giám sát thường xuyên sẽ kịp thời phát hiện yếu kém, lệch lạc, thậm chí các sai phạm mới manh nha để có điều kiện phát hiện, khắc phục.

Thứ năm, giải quyết triệt để các vướng mắc trong quá trình tái cơ cấu như: Đấu thầu lựa chọn tổ chức tư vấn định giá DN, xác định số dư vay ngoại tệ tại thời điểm cổ phần hóa, chuyển chủ nợ của công ty con về công ty mẹ, chuyển nợ từ công ty mẹ sang công con đối với trường hợp chia tách... {1}

Tái cơ cấu DNNN nói chung và tập đoàn, tổng công ty nói riêng là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong quá trình tái cấu trúc tổng thể nền kinh tế. Đây là một quá trình lâu dài, do đó không được chủ quan nóng vội khi thực hiện tái cơ cấu. Để thực hiện mục tiêu của quá trình tái cấu DNNN đòi hỏi việc tái cơ cấu cần thực hiện một cách linh hoạt, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. **■**

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Hiến, *Giải pháp tháo gỡ vướng mắc trong đề án tái cơ cấu của các doanh nghiệp, Tạp chí Tài chính, số 12.*
2. Phạm Thị Tường Vân, *Tái cấu trúc tài chính thông qua xử lý nợ, Thông tin tài chính số 15+16*
3. TS. Nguyễn Xuân Thắng, "Tái cơ cấu tập đoàn dầu khí, thành công bước đầu và nhiệm vụ đặt ra.
4. GS.TS. Vương Đình Huệ, *Quyết liệt thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế.*